PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO …

**TRƯỜNG THCS …**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I – NGỮ VĂN 8**

**NĂM HỌC 2024-2025**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Số câu** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** |
| **Số câu** | **Tỉ lệ** | **Số câu** | **Tỉ lệ** | **Số câu** | **Tỉ lệ** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ sáu chữ, bảy chữ | 5 | 2 | 20% | 2 | 30% | 1 | 10% |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ 6,7 chữ hoặc thơ tự do. | 1 | 10% | | 10% | | 10% | | 10% | **40** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **30%** | | **40%** | | **20%** | | **10%** | **100** |
| **Tổng** | | | **6** | **100%** | | | | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HKI MÔN NGỮ VĂN LỚP 8**

**NĂM HỌC 2024 - 2025**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,**  **kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| **1** | **ĐỌC HIỂU** | Đọc hiểu thơ sáu chữ, bảy chữ | **Nhận biết:**  - Nhận biết được những dấu hiệu về hình thức để phân biệt các thể thơ: số tiếng trong câu, số câu, gieo vần, ngắt nhịp.  - Nhận biết được đặc điểm ngôn ngữ, đề tài, giọng điệu, nhịp điệu của bài thơ.  - Nhận biết được hình ảnh tiêu biểu, biểu tượng tiêu biểu và nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận biết được từ tượng hình, tượng thanh trong bài thơ.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình; cảm hứng chủ đạo của tác giả trong bài thơ.  - Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ dựa trên những yếu tố hình thức nghệ thuật.  - Phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục.  - Xác đinh được tác dụng của từ tượng hình, tượng thanh, các BPTT được sử dụng trong VB.  **Vận dụng:**  - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua bài thơ.  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân khi đọc VB.  - Thể hiện được thái độ tôn trọng, học hỏi cách tiếp nhận của người khác trong đọc hiểu VB thơ. | 2 | 2 | 1 |  |  |
| **2** | **Viết** | Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ 6,7 chữ | **Nhận biết**:  - Xác định được rõ mục đích, yêu cầu cần viết của đoạn văn.  **Thông hiểu**:  - Xác định được các đặc điểm, khía cạnh của đối tượng cần triển khai.  - Biết sắp xếp các ý theo trật tự hợp lí.  **Vận dụng**:  Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết,...  **Vận dụng cao**:  - Lựa chọn cách trình bày sao cho hiệu quả, hấp dẫn.  - Có sáng tạo trong diễn đạt làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, giàu sức thuyết phục. |  |  |  | 1\* |  |
| **Tổng** | | |  | **2** | **2** | **1** | **1** | **6** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | 30% | 40% | 20% | 10% | 100 |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | 70% | | 30% | | 100 |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GIÁO DỤC ĐÀO TẠO…  **TRƯỜNG THCS …**    **ĐỀ CHÍNH THỨC**  ***(Đề có 01 trang)*** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **NĂM HỌC: 2024 - 2025**  **Môn: Ngữ văn - Khối 8**  **Thời gian: 60 phút**  *(Không kể thời gian giao đề)* |

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

**CHIỀU QUÊ HƯƠNG**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. *Chiều hè đồng quê mát rượi*   *Cánh cò cõng nắng đi chơi*  *Sáo diều đùa vui với gió  Bà em ngồi mát thảnh thơi.   (2) Xa xa ngoài đồng mẹ cấy  Nhấp nhô nón trắng vai gầy  Bàn tay mẹ gieo mơ ước  Đời con tươi sáng từ đây.* | *(3) Thương cha đầu ghềnh cuối bãi*  *Cày sâu cuốc bẫm tinh sương Bạc màu áo xanh người lính Bàn chân đi suốt dặm trường.*  *(4) Chiều hè đồng quê thương mến*  *Ấm êm những mái nhà tranh  Chiều hè đồng quê thương mến  Cho em ngày tháng ngọt lành.*  (Trần Hà Yên, *Từ vườn hoa nhà em,*  NXB Văn học, 2024) |

**Câu 1**. Chỉ ra cách gieo vần và ngắt nhịp trong khổ thơ (1). *(1,0 điểm)*

**Câu 2**. Xác định và nêu tác dụng của một từ tượng hình có trong khổ thơ (2). *(1,0 điểm)*

**Câu 3**. Nêu cảm hứng chủ đạo của bài thơ và cho biết tác dụng của cách sử dụng hình ảnh trong việc thể hiện cảm hứng đó. *(1,5 điểm)*

**Câu 4.** Tìm và nêu giá trị của một biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ. *(1,5 điểm)*

**Câu 5.** Qua bài thơ, em nhận ra quê hương có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc đời mỗi người? (Trả lời bằng 3 - 4 dòng) *(1,0 điểm)*

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

**Viết một đoạn văn (khoảng 250 – 300 chữ) ghi lại cảm nghĩ của em về bài thơ “*Chiều quê hương*” (Trần Hà Yên)**

**- HẾT –**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HKI**

**MÔN NGỮ VĂN- LỚP 7 - NĂM HỌC: 2024 -2025**

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
| **1** | + Vần chân (vần cách): chơi – thơi  + Cách ngắt nhịp trong khổ thơ: nhịp 2/4 | 0,5  0,5 |
| **2** | - Từ tượng hình: nhấp nhô  🡪 Tác dụng: Góp phần gợi tả tư thế, hoạt động vất vả của mẹ khi đang cấy lúa trên đồng. | 0,5  0,5 |
| **3** | - Cảm hứng chủ đạo: Ngợi ca bức tranh chiều quê hương bình dị, ấm áp; tình cảm trân trọng, yêu mến đối với gia đình, với mảnh đất quê hương.  - Hình ảnh giàu tính tạo hình: bức tranh thiên nhiên gần gũi, bình dị; hình ảnh cha mẹ tảo tần, chịu thương, chịu khó, vất vả 🡪góp phần thể hiện cảm hứng chủ đạo trong bài thơ. | 0,5  1,0 |
| **4** | *Học sinh chỉ ra một trong số các biện pháp tu từ sau:*  **- Nhân hoá**: *“Cánh cò cõng nắng đi chơi/ Sáo diều đùa vui với gió”*  🡪 Tác dụng: Cảnh vật trở nên sinh động hơn, góp phần thể hiện vẻ đẹp yên bình mà vui tươi của chiều hè trên quê hương.  **- Điệp ngữ**: *“Chiều hè đồng quê thương mến”*  🡪 Tác dụng: Khẳng định và làm nổi bật không gian “đồng quê”, thời gian “chiều hè” của bài thơ, đồng thời chỉ ra được tình cảm thương mến, gắn bó, yêu quý quê hương. | 0,5  1,0 |
| **5** | *\* Ý nghĩa, vai trò của quê hương đối với cuộc đời mỗi người:*  - Quê hương là nơi lưu giữ kỷ niệm tuổi thơ/là chốn bình yên để trở về khi ta cần sự thanh thản.  - Quê hương gắn liền với tình yêu thương và sự hy sinh của gia đình/ là nơi vun đắp những giá trị sống quý báu.  - Quê hương không chỉ là nơi ta sinh ra mà còn là cái nôi của những ước mơ/ giúp mỗi người có động lực để vươn lên.  HS nêu được 2 ý, mỗi ý 0,5 điểm | 1,0 |

**II. VIẾT (4.0 đ)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **II** | **VIẾT** | **4.0** |
|  | *a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về bài thơ 6-7 chữ:*  Đủ cấu trúc 3 phần của đoạn văn: câu mở đầu; các câu triển khai, câu kết thúc; các câu được sắp xếp theo một trình tự hợp lí. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Cảm xúc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ.  - Đảm bảo cơ bản dung lượng: khoảng 250-300 chữ. | 0,25 |
|  | *c. Những cảm nghĩ về bài thơ 6,7 chữ.*  HS có thể triển khai cảm nghĩ theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  *- Trình bày cảm nghĩ theo trình tự hợp lí, sử dụng ngôi chia sẻ thứ nhất.*  *- Làm rõ cảm nghĩ, suy nghĩ bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ.*  *(HS lựa chọn 1 số đặc sắc nghệ thuật, không cần phải chọn hết các nghệ thuật, nội dung của bài thơ).*  *Dưới đây là 1 số gợi ý, tham khảo:*  - Hình ảnh thiên nhiên tươi đẹp, bình yên, giản dị, mang những nét đặc trưng của làng quê: *đồng quê mát rượi, cánh cò, nắng, sáo điều, gió.*  - Hình ảnh con người: đó là những người thân yêu, gần gũi trong những bóng dáng quen thuộc, trong công việc lao động tảo tần, chịu khó: *bà ngồi mát thảnh thơi; mẹ cấy, nhấp nhô nón trắng, vai gầy; cha đầu ghềnh cuối bài, cày sâu cuốc bẫm, bạc màu áo xanh...*  - Các biện pháp tu từ:  + Nhân hoá: *cánh cò cõng nắng, sáo diều đùa vui với gió*  🡪 vẻ đẹp bình yên của làng quê.  + Điệp ngữ “*Chiều hè đồng quê thương mến*”  🡪 Vẻ đẹp của quê hương, tình cảm yêu thương, gắn bó với làng quê.  - Chủ đề: Vẻ đẹp bình yên của làng quê và tình yêu với quê hương, cuộc sống, con người.  - Mạch cảm xúc: Đi từ tình yêu với quê hương, yêu cuộc sống và con người quê hương đến lòng biết ơn với quê hương đã cho ta những năm tháng yên bình, đáng quý.  ***Trên cơ sở đó, học sinh bày tỏ cảm xúc và suy nghĩ của mình cho hợp lí.*** | 3,0 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp.*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Bố cục rõ ràng, lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc | 0,25 |